TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/DS-ST
Ngày: 29/3/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Tâm**

+ Bà **Huỳnh Thị Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Ông **Nguyễn Hoàng Phúc –** Kiểm sát viên**.**

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 2 năm 2022; và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023.

1. <u>Nguyên đơn</u>: **Đinh Văn L**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L là anh **Trần Quang V**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp Gò Me, xã B, huyện G, tỉnh T.

2. <u>Bị đơn</u>: **Nguyễn Văn M**, sinh năm xxxx;

Nguyễn Thị G, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Anh V có mặt, anh M, chị G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:*** Ngày 23/01/2020 vợ chồng anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị G có vay của anh Đinh Văn L số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, lãi suất 3%/ tháng, trả lãi hàng tháng, mục đích vay anh M và chị G nói để lấy vốn làm ăn. Trong quá trình vay thì anh M và chị G trả lãi không đầy đủ, đến ngày 24/10/2021 là ngưng trả cho đến nay. Anh L có yêu cầu vợ chồng anh M, chị G trả tiền nhưng anh M và chị G không có thiện chí trả nợ. Do anh M, chị G vi phạm sự thỏa thuận, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh L.

Nay anh L yêu cầu anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả cho anh L số tiền là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 24/10/2021 đến đến khi Tòa án xét xử theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

* Bị đơn anh M, chị G đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh M, chị G nhưng anh M, chị G không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh L.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Quang V trình bày: Anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh M, chị G trả số tiền là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 24/10/2021 đến đến khi Tòa án xét xử theo mức lãi suất 1,66%/tháng với số tiền là 14.248.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật. Khi vay tiền anh M, chị G có đưa cho anh L giữ 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02336 ngày 14/4/2014 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn M. Nay anh L sẽ trả lại cho anh M, chị G 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02336 ngày 14/4/2014 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn M khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh M, chị G vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn L yêu cầu anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị G trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi với số tiền là 14.248.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đinh Văn L yêu cầu anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị G trả số tiền 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị G cư trú tại ấp K, xã B, huyện G, tỉnh T. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị G đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh M, chị G vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hồng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: anh L cho anh M, chị G vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng trên cở sở tự nguyện, không có dấu hiệu bị đe dọa hay ép buộc. Thực tế hợp đồng này đã được xác L và đã được thực hiện. Anh M, chị G đã nhận tiền vay của anh L nhưng anh M, chị G không thực hiện nghĩa vụ trả lãi của mình như thỏa thuận trong hợp đồng, anh M và chị G trả lãi đến ngày 24/10/2021 là ngưng trả cho đến nay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh L cung cấp 01 giấy viết tay ngày 23/01/2020 do anh M và chị G ký tên. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa anh L với anh M, chị G đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Mặt khác, kể từ ngày Toà án thụ lý, giải quyết vụ án, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh M, chị G không có văn bản ý kiến phản đối đối với yêu cầu, chứng cứ do anh L đưa ra nên anh L không phải chứng minh gì khác theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, anh M, chị G không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền là vi phạm hợp đồng vay tài sản nên cần buộc anh M, chị G phải trả cho anh L số tiền 50.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

Anh L tự nguyện trả lại 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02336 ngày 14/4/2014 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn M cho anh M và chị G khi án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Anh L yêu cầu tính lãi đối với số tiền 50.00.000 đồng từ ngày 24/10/2021 đến khi Tòa án xét xử với mức lãi suất là 1,66%/tháng, với số tiền là 14.248.000 đồng. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì anh M, chị G đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên anh M, chị G phải trả lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của anh L là phù hợp với khoản 1 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền 50.000.000 đồng x 1,66%/ tháng x 17 tháng 5 ngày = 14.248.000 đồng.

Đối với số tiền lãi anh M và chị G trả cho anh L kể từ ngày vay đến ngày 24/10/2021 thì anh L không xác định được cụ thể số tiền anh M và chị G trả lãi bao nhiêu. Anh M, chị G không có văn bản ý kiến, yêu cầu gì về số tiền lãi anh M và chị G đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, anh M và chị G phải trả cho anh L số tiền vốn và lãi tổng cộng là 64.248.000 đồng.

[5] Về thời gian trả: Anh L yêu cầu trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của anh L là có cơ sở vì số tiền này anh M, chị G để quá lâu đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh L nên cần buộc anh M, chị G trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: [1] **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn L**.

Buộc anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị G có trách nhiệm trả cho anh Đinh Văn L số tiền **64.248.000 đồng**. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh M, chị G không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh M, chị G còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đinh Văn L trả lại cho anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị G 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02336 ngày 14/4/2014 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn M khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Anh M, chị G phải chịu **3.212.400 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh L **1.484.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028144 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được tính từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên